



ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

• **THS. NGUYỄN ĐĂNG TRỤ**

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

1. Quan niệm về chất lượng

- “Chất lượng tuyệt đối” được hiểu là “sự xuất chúng, tuyệt vời, ưu tú, xuất sắc; sự hoàn hảo; sự phù hợp, thích hợp; sự thể hiện giá trị; sự biến đổi về chất” (Harvey & Green ;1993). Đó là cái mà hầu hết chúng ta muốn có, và chỉ một số ít có thể có được.

- “Chất lượng tương đối” dùng để chỉ một số thuộc tính mà người ta gán cho sản phẩm. Theo quan niệm này thì một vật, một sản phẩm hoặc một dịch vụ được xem là có chất lượng khi nó đáp ứng được các mong muốn do người sản xuất định ra và các yêu cầu mà người sử dụng đòi hỏi.

Như vậy, “chất lượng tương đối” có hai khía cạnh:

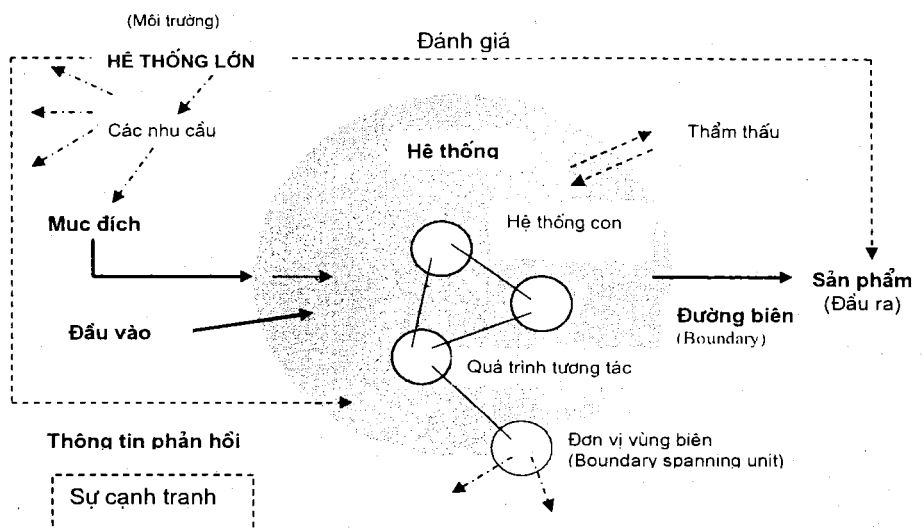
- Thứ nhất, chất lượng là đạt được mục tiêu (phù hợp với tiêu chuẩn) do người sản xuất đề ra, ở khía cạnh này được xem là “chất lượng bên trong”.

- Thứ hai, chất lượng được xem là sự thỏa mãn tốt nhất những đòi hỏi của người sử dụng, ở khía cạnh này được xem là “chất lượng bên ngoài”.

Với quan niệm “chất lượng tương đối”, định nghĩa dưới đây được khá nhiều người và tổ chức thừa nhận: “Chất lượng là sự phù hợp với yêu cầu của khách hàng” (Kỹ thuật quản lý chất lượng sản phẩm; Dự án JICA-HIC; 7/2002). Định nghĩa này nhấn mạnh tới khả năng đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Nó có tầm quan trọng hàng đầu

không những giữa hai tổ chức hoặc hệ thống riêng biệt, mà ngay cả trong cùng một tổ chức hoặc một hệ thống. Trong mỗi tổ chức hoặc hệ thống đều có một loạt những người, những cơ sở cung ứng và khách hàng.

Ludwig Von Bertalanfy (1930) đã đưa ra sơ đồ cấu trúc chung của các hệ thống (Hình 1). Theo sơ đồ này, mỗi hệ thống đều tồn tại trong một hệ thống lớn hơn (còn gọi là môi trường bên ngoài) và bao gồm trong nó các hệ thống con (hoặc các thành tố) tùy theo vị trí, vai trò và sứ mệnh mà nó đảm nhiệm trong hệ thống lớn. Như vậy, vị trí, vai trò và sứ mệnh của mỗi hệ thống đều do hệ thống lớn hoặc môi trường bên ngoài quy định. Nếu một hệ thống muốn tự xác định vị trí, vai trò và sứ mệnh cho mình, thì cũng phải dựa trên những yêu cầu, đòi hỏi của môi trường bên ngoài và được môi trường bên ngoài chấp nhận. Mọi đầu vào của hệ thống đều xuất phát từ môi trường bên ngoài và mọi đầu ra của hệ thống đều do môi trường bên ngoài thẩm định, đánh giá.



Hình 1. Sơ đồ cấu trúc chung của các hệ thống (Ludwig Von Bertalanfy, 1930)

Mỗi hệ thống luôn có một sứ mệnh (mission) được ủy thác, sứ mệnh này thường do các chủ sở hữu quy định. Điều này chi phối mọi hoạt động của hệ thống. Từ sứ mệnh được ủy thác, hệ thống sẽ xác định các mục tiêu, cấu trúc và cơ chế hoạt động của mình sao cho phù hợp với sứ mệnh được ủy thác. Để đầu ra của hệ thống đáp ứng được đòi hỏi và yêu cầu của môi trường bên ngoài và vận hành có hiệu quả, mỗi hệ thống đều phải xác lập cho mình một cấu trúc riêng bao gồm các hệ thống con hoặc các thành tố; cơ chế hoạt động giữa các hệ thống con và các thành tố; cách thức thu nhận thông tin và nhận biết sự thay đổi yêu cầu của môi trường bên ngoài; cơ chế giám sát và đảm bảo chất lượng đầu ra (chất lượng bên trong) của hệ thống dựa trên các yêu cầu của môi trường bên ngoài ... trước khi được môi trường đánh giá và chấp nhận (chất lượng bên ngoài).

2. Chất lượng đào tạo nghề nghiệp

Theo nghĩa hẹp, chất lượng đào tạo nghề nghiệp được hiểu là một trong các thành phần đầu ra của hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Đầu ra của hệ thống GDNN bao gồm số lượng, chất lượng và cơ cấu nhân lực được đào tạo nhằm đáp ứng một số các nhu cầu chuyên biệt của môi trường bên ngoài. Nhưng nếu xét ở góc độ mục tiêu toàn hệ thống, thì cả số lượng và cơ cấu nhân lực cũng đều nằm trong các yêu cầu về chất lượng GDNN. Đó là nhu cầu về nhân lực theo các cấp trình độ của hệ thống kinh tế-xã hội (KT-XH), nhu cầu về nhập học của người học trong xã hội, nhu cầu về vị trí và trình độ tốt nghiệp của hệ thống GDNN trong hệ thống GD&ĐT nói chung.

Đầu ra của hệ thống GDNN đã được môi trường xã hội đặt hàng thông qua Luật Giáo dục 2005: "Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo người lao động có kiến thức, kĩ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc. Dạy nghề nhằm đào tạo nhân lực kĩ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo" (Điều 33; Luật Giáo dục 2005).

Về bản chất, mục tiêu GDNN do Luật Giáo dục đưa ra cũng mới chỉ là những dự báo của hệ thống GD&ĐT về yêu cầu và đòi hỏi của hệ thống KT-XH; dựa trên cấu trúc hiện tại, hệ thống GD&ĐT

lại giao cho hệ thống con của mình là GDNN đảm nhận. Bản thân hệ thống con GDNN vừa phải thực hiện sứ mệnh mà hệ thống GD&ĐT đã giao cho mình, vừa phải phát hiện cho đúng các nhu cầu thực sự của môi trường KT-XH đối với vị trí, vai trò và chất lượng của đội ngũ nhân lực ở các cấp trình độ nghề nghiệp để tổ chức đào tạo có chất lượng, được hệ thống KT-XH chấp nhận.

3. Các cấp độ chất lượng của đào tạo

Có nhiều cấp độ đánh giá chất lượng đào tạo khác nhau. Hình 2 dưới đây mô tả các cấp độ đánh giá sự thành công (hoặc chất lượng) của đào tạo. (Sơ đồ do Kirkpatrick đề xuất, đã được các nhà kinh tế giáo dục bổ sung thêm).

Việc thu thập dữ liệu để đánh giá	Các cấp độ đánh giá sự thành công của đào tạo	Tính giá trị của cấp độ đánh giá
Rất khó ↑ ↓ Dễ	6. Lợi nhuận thu được từ đào tạo 5. Kết quả mang lại cho tổ chức có nhu cầu đào tạo 4. Khả năng thực hiện công việc của người học tại nơi làm việc 3. Có việc làm đúng nghề đào tạo 2. Kết quả thu được về kiến thức, kĩ năng và thái độ của người học 1. Phản hồi của người dạy và người học tham gia đào tạo	Giá trị cao ↑ ↓ Giá trị thấp

Hình 2. Các cấp độ thành công của đào tạo

- **Cấp độ 1:** Phản hồi của người dạy và người học tham gia đào tạo là một chỉ số đo sự thành công của đào tạo, mặc dù đó không phải là chỉ số có độ tin cậy cao.

- **Cấp độ 2:** Kết quả thu được về kiến thức, kĩ năng và thái độ (KSA) của người học. Kết quả KSA thu được là một chỉ số tốt để đánh giá sự thành công hoặc chất lượng đào tạo, nếu đó chính là những yếu tố mà các tổ chức có nhu cầu sử dụng lao động thực sự cần đến. Nếu đó là những KSA không cần thiết đối với các tổ chức sử dụng lao



động, thì việc đào tạo sẽ có rất ít giá trị. Việc xác định đúng KSA phụ thuộc rất lớn vào quan điểm tiếp cận, quy trình, phương pháp và cách thức tổ chức việc xây dựng các chương trình đào tạo.

- **Cấp độ 3:** Có việc làm đúng nghề đào tạo. Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng nghề càng cao, việc đào tạo càng thành công. Tại các nước công nghiệp phát triển, các khóa đào tạo về kỹ thuật có tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng nghề cao hơn 70%, còn các khóa đào tạo về quản lý đạt tỷ lệ có việc làm đúng nghề lớn hơn 50% mới được coi là thành công

- **Cấp độ 4:** Khả năng thực hiện công việc của người học khi thực hiện công việc tại nơi làm việc. Thực hiện công việc tại nơi làm việc khác với việc thực hiện các kỹ năng trong đào tạo. Vì nhiều lý do, các kỹ năng đã học có thể không được sử dụng trong hoạt động nghề nghiệp. Sau đào tạo, nếu người tốt nghiệp không thực hiện được công việc hay khả năng thực hiện công việc không được cải thiện thì việc đào tạo đã thất bại.

- **Cấp độ 5:** Kết quả mang lại cho tổ chức có nhu cầu đào tạo. Định nghĩa về mục đích cuối cùng của bất kỳ việc đào tạo nào là: "Hỗ trợ tốt hơn cho các tổ chức thông qua việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thông qua việc đáp ứng và tăng cường năng lực thực hiện công việc của các cá nhân trong tổ chức đó". Kết quả mang lại cho tổ chức được hiểu với một dải rất rộng, từ một tổ chức cụ thể, tới một hệ thống các tổ chức, hoặc hệ thống sản xuất-kinh tế được đáp ứng hoặc thỏa mãn các nhu cầu về đào tạo.

- **Cấp độ 6:** Lợi nhuận thu được từ đào tạo. Đây là cấp độ mới được các nhà kinh tế giáo dục bổ sung. Tại cấp độ này, việc đào tạo được đánh giá là thành công dựa trên tỷ lệ lợi nhuận do nó mang lại. Hiện nay các nước phát triển đã đưa ra được phương pháp tính toán việc đầu tư cho đào tạo sẽ mang lại bao nhiêu lợi nhuận đối với từng doanh nghiệp, một ngành sản xuất hoặc cả nền kinh tế.

Trong hình 2, chúng ta thấy có một đường mờ nằm ngang ở dưới cấp độ 3. Đây là ranh giới giữa hệ thống đào tạo với môi trường bên ngoài. Tại cấp độ 1 và 2, chúng ta chỉ mới đo lường sự thành công, hoặc chất lượng đào tạo của bản thân hệ thống (chất lượng bên trong). Từ cấp độ 3 trở lên là sự

đánh giá của môi trường bên ngoài với hệ thống đào tạo (chất lượng bên ngoài). Việc đánh giá ở cấp độ càng cao thì tính giá trị của nó càng cao.

Hạn chế của sơ đồ do Kirkpatrick đề xuất là chưa xem xét chất lượng đào tạo về mặt xã hội. Ví dụ, với GDNN có hai trình độ tuyển sinh đầu vào là tốt nghiệp THCS và tốt nghiệp THPT. Nếu tuyển đối tượng học sinh THPT thì chất lượng đầu vào sẽ tốt hơn, quá trình đào tạo sẽ thuận lợi hơn, chi phí cho một sản phẩm đầu ra sẽ rẻ hơn và có thể chất lượng học sinh tốt nghiệp sẽ cao hơn. Nhưng nói như vậy có phải là GDNN đã thành công (hoặc có chất lượng), nếu xét về mặt xã hội? Những học sinh tốt nghiệp THCS (theo luật phổ cập giáo dục) sẽ ít có cơ hội và khả năng tiếp cận với GDNN, đầu ra theo phân luồng sau THCS sẽ bị thu hẹp lại, giảm chi phí trong GDNN nhưng sẽ tăng chi phí ở khu vực giáo dục THPT.

Với mỗi cấp độ đánh giá sự thành công hoặc chất lượng đào tạo, cần phải thu thập được rất nhiều các dữ liệu và chứng cứ khác nhau. Như vậy với mỗi cấp độ đánh giá cũng cần có hệ thống các tiêu chí và tiêu chuẩn khác nhau. Việc đánh giá ở các cấp độ càng cao, tính phức tạp của việc xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cũng như việc thu thập các dữ liệu, chứng cứ phục vụ cho việc đánh giá càng gặp nhiều khó khăn và phức tạp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. JICA-HIC: *Kỹ thuật quản lý chất lượng sản phẩm*; Hà Nội, 7/2002.
2. John Column: *Bộ thẻ khái niệm*; Viện TITI; Nepal; 2002.
3. Nguyễn Việt Hùng: *Kiểm định công nhận quan niệm và một số ý kiến về vấn đề áp dụng ở Việt Nam*, Bài viết cho đề tài nghiên cứu; 2003.
4. *Luật Giáo dục sửa đổi 2005*; NXB Giáo dục; 2005.

SUMMARY

The article presents some issues about the evaluation of the quality of vocational education such as concepts of quality, quality of vocational education and level of quality in training.